

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HUONGNHI NGUYEN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HUONGNHI NGUYEN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUONGNHI NGUYEN TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HUONGNHI NGUYEN CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108510768

3. Ngày thành lập: 15/11/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 11, ngõ 30, phố Hoa Lâm, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0911902288

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây hàng năm khác	0119
2.	Trồng cây ăn quả	0121
3.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi (Không bao gồm hành nghề thú y)	0162
4.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
5.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
6.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
7.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
8.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
9.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
10.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác	4662
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
13.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
14.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

15.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
16.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
17.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
18.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4543
19.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý (trừ hoạt động đầu giá)	4610
20.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
21.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
24.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
25.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
26.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
27.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn đường, bánh, mứt, kẹo, sôcôla, cacao...; - Bán buôn sữa tươi, sữa bột, sữa cô đặc...và sản phẩm sữa như bơ, phomat...; - Bán buôn mỳ sợi, bún, bánh phở, miến, mỳ ăn liền và các sản phẩm khác chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. - Bán buôn thực phẩm khác - Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; - Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; - Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác;	4632
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống, dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);	5610

29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
30.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
31.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
32.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
33.	In ấn	1811
34.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
35.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
36.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
37.	Sản xuất đường	1072
38.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
39.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến và đóng hộp rau quả Chế biến và bảo quản rau quả khác	1030
40.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
41.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
42.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
43.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
44.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
45.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
46.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
47.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
48.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
49.	Xây dựng nhà không để ở	4102
50.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
51.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
52.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
53.	Xây dựng công trình điện	4221
54.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
55.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
56.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
57.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
58.	Thu gom rác thải độc hại	3812
59.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
60.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
61.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
62.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
63.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
64.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

65.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410(Chính)
66.	Trồng cây lâu năm khác	0129
67.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
68.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
69.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
70.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
71.	Sản xuất sợi	1311
72.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
73.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các nút, khóa ấn, khóa móc, khóa trượt; - Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như : + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất phao cứu sinh, + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác,	3290
74.	Xây dựng nhà để ở	4101
75.	Xây dựng công trình thủy	4291
76.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
77.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
78.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
79.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm đầu giá)	4530
80.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
81.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
82.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
83.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
84.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
85.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);	5630
86.	Tái chế phế liệu	3830
87.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
88.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nữ*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 027178000241

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2 Khu A, tập thể 78, phố Bạch Đằng, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 2 Khu A, tập thể 78, phố Bạch Đằng, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

0 1 2 3 4 5

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 01/01/1978

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 027178000241

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2 Khu A, tập thể 78, phố Bạch Đằng, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 2 Khu A, tập thể 78, phố Bạch Đằng, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội